

**BÀN VỀ SỰ TRUYỀN BÁ VÀ GIAO THOA ĐẠO GIÁO Ở
ĐÔNG NAM Á
(LẤY ĐẠO GIÁO NAM TRUYỀN VÀO VIỆT NAM LÀM VÍ DỤ)**

Tóm tắt: Đạo giáo là tôn giáo truyền thống của Trung Quốc lấy “đắc đạo thành tiên” làm niềm tin cơ bản, tôn chỉ tối cao của “đạo” đã sớm được truyền đến khu vực Đông Nam Á qua con đường Vân Nam hoặc Quảng Tây. Đến nay Đạo giáo đã trở thành một trong những biểu tượng mang tính tượng trưng và có sức ảnh hưởng đậm nét nhất trong văn hóa Việt Nam. Xét về mặt thời gian, Đạo giáo truyền vào Việt Nam từ khi mới sáng lập, bắt đầu từ tầng lớp bình dân đến tầng lớp thượng lưu, trải qua 19 thế kỷ lại quay trở về dân gian, hình thành nên một quá trình lịch sử truyền giáo lâu dài. Xét về con đường truyền giáo, buổi đầu Đạo giáo truyền vào Việt Nam theo đường bộ (Vân Nam hoặc Quảng Tây). Sau đó đến khởi nghĩa Tôn Ân, Lư Tuấn thời Đông Tấn, Thiên Sư đạo lại được truyền vào Việt Nam qua đường biển. Được sáng lập từ thời Kim Nguyên, Toàn Chân đạo trong quá trình truyền giáo xuống phía Nam thời kỳ cuối đời nhà Minh đầu đời nhà Thanh cũng vào Việt Nam bằng nhiều con đường. Đạo giáo Việt Nam và Đạo giáo Trung Quốc hình thành quan hệ cội nguồn. Đạo giáo trong quá trình truyền giáo vào Việt Nam đã vượt qua văn hóa, vượt qua dân tộc, vượt qua tôn giáo để hình thành nên đặc điểm sau: Tín ngưỡng thờ thần linh là biểu tượng tượng trưng chủ yếu của Đạo giáo khi truyền giáo vào Việt Nam; Đạo giáo thường kết hợp đồng hành cùng Phật giáo; Thần linh của Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam pha trộn với nhau, phát triển thành một số đạo phái mới mang màu sắc văn hóa dân gian Việt Nam, trong đó có đạo Cao

* 孙亦平, PGS.TS, Khoa Tôn giáo học, Khoa Triết học, Đại học Nam Kinh, Trung Quốc.

Đài và thờ Mẫu chịu ảnh hưởng nhiều nhất; sách khuyến thiện là một phương thức Đạo giáo tiến hành giáo hóa dân chúng và truyền giáo lý. Phương thức này đã phát huy tác dụng nhất định trong việc tạo động thái cân bằng trên phương diện gắn bó kết cấu xã hội với truyền thống văn hóa.

Từ khóa: Đạo giáo; Đông Nam Á; Việt Nam; góc nhìn liên văn hóa; truyền bá; giao lưu.

I

Đạo giáo là tôn giáo truyền thống của Trung Quốc lấy “đắc đạo thành tiên” làm niềm tin cơ bản. Tôn chỉ tối cao của đạo đã sớm được truyền đến khu vực Đông Nam Á qua con đường Vân Nam, hoặc Quảng Tây. Đến nay, Đạo giáo đã trở thành một trong những biểu tượng mang tính tượng trưng và có sức ảnh hưởng đậm nét nhất trong văn hóa Việt Nam. Dân tộc Việt, hay còn gọi là dân tộc Kinh có truyền thống văn hóa mang tính nguyên sinh của mình. Căn cứ theo ghi chép trong quyển 2 sách “An Nam chí nguyên”: “Tục cũ Giao Chi, tôn thờ quý thần, rất nhiều dâm từ¹. Người gặp tai họa, hầu đồng dựa bóng, có ở khắp nơi. Tin vào điều đó, rã rập làm theo”. Người Việt Nam rất tin chuyện quý thần, coi trọng việc tế tự, tạo điều kiện thuận lợi cho Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo ở Trung Quốc lần lượt truyền vào Việt Nam. Việc truyền bá Đạo giáo ở Việt Nam và những ảnh hưởng của nó đã có từ rất lâu, nhưng do tư liệu lịch sử liên quan đến Đạo giáo tại Việt Nam vô cùng hiếm hoi, nên những nghiên cứu về Đạo giáo Việt Nam đến nay vẫn rất ít ỏi. Tuy nhiên, đây thực sự là chủ đề quan trọng trong nghiên cứu văn hóa Đông Nam Á. Điểm đáng nghiên cứu là Đạo giáo truyền vào Việt Nam thời điểm nào? Thông qua con đường nào và phương thức nào? Trong quá trình truyền giáo, Đạo giáo được người Việt Nam đón nhận, diễn giải và lựa chọn như thế nào? Hình thành những đặc điểm mới nào đã được Việt Nam hóa? Đạo giáo đóng vai trò gì trong việc tạo ra động thái cân bằng trên phương diện gắn bó kết cấu xã hội Việt Nam với truyền thống văn hóa?

Khoảng cuối đời Đông Hán, Đạo giáo đã được truyền vào Giao Chi (nay thuộc lưu vực sông Hồng, miền Bắc Việt Nam) thông qua một số

quan lại, trí thức. Niềm tin vào trường sinh và thuật thần tiên của Đạo giáo đã đón bắt được nhu cầu sâu xa về sự tồn tại trong cuộc sống của người Việt Nam nên đã dần dần được tiếp nhận. Trước khi Đạo giáo du nhập, Việt Nam vốn đã có các hình thức tôn giáo mang tính nguyên sinh, đã có thờ núi, thờ sông, thờ rồng, thờ rắn, thờ hổ, thờ chim, thờ cây đa, thờ cối xay, v.v... và các hoạt động thờ cúng vật tổ (totem), cũng đã có tín ngưỡng Tam phủ, tức là từ trong tâm hồn mơ hồ tin tưởng rằng bên cạnh cuộc sống trần thế của con người, vẫn còn tồn tại ba thế giới là Thiên phủ, Thoải phủ và Âm phủ. Điều này cũng có chỗ giống với thực hành sùng bái đa thần của Đạo giáo. Năm Nguyên Đỉnh ngũ niên (112 TCN) Hán Vũ Đế bình định nước Nam Việt, đặt Giao Châu làm một trong 13 châu của nhà Hán, trở thành phần lãnh thổ cực nam của Hán triều. Năm tiếp theo, đặt 9 quận, trong đó ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, thuộc miền Bắc Việt Nam ngày nay, do đó sử sách Trung Quốc ghi chép về thời kỳ này gọi Việt Nam là “Quận Giao Chỉ”, hoặc “Giao Châu”. Đầu thời Đông Hán, “Quang Vũ trung hưng, Tích Quang đến Giao Chỉ, Nhâm Diên giữ Cửu Chân, từ đó dạy người dân trồng cây, làm mũ, giày. Lần đầu tiên quy định việc mai mối, dân mới biết chuyện cưới xin, thiết lập trường học, dạy dân biết lễ nghĩa”². Giao Chỉ trở thành nước phụ thuộc Trung Quốc, trật tự xã hội ổn định, môi trường tự nhiên thuận lợi, rất giàu các loại dược liệu như đan san, thu hút một số đạo sĩ thích luyện đan tới đây.

Sau khi Linh Đế (156-189) nhà Đông Hán qua đời, thiên hạ hỗn loạn, rất nhiều nhân sĩ Trung Nguyên đến tránh nạn ở Giao Châu - nơi tương đối yên bình. Các nhà Nho-Phật-Đạo-Y cùng tụ hội về đây, lập đàn dạy học, đua nhau tranh biện. Khi đó, Phật học gia Mâu Tử cũng dẫn theo mẹ đến Giao Châu ty nạn. Mâu Tử (170~?)³ tên là Dung, tự là Tử Bác, người ở Quảng Tín quận Thương Ngô (nay là Ngô Châu - Quảng Tây), từ nhỏ đã đọc thông trăm sách, học rộng đa tài, tinh thông bách gia chư tử⁴, “độc chí vào Phật giáo, nghiên cứu thêm 5.000 chữ của *Lão Tử*”, đã được gọi là Phật học gia, và cũng bởi tôn sùng học thuyết “tuyệt thánh khí tri, tu thân bảo chân”⁵ nên cũng được gọi là “ân sĩ”, cho nên “bọn người thế tục nhiều kẻ cho là không phải”, nói ông “phản bội Ngũ kinh để hướng theo đạo khác”. Do đó, Mâu Tử viết *Lý hoặc luận*, gồm 37 câu hỏi đáp, bàn về đặc điểm riêng của ba

tôn giáo Nho-Đạo-Phật, một mặt dùng ngôn từ của Lão Trang, tư tưởng của nhà Phật để giảng giải về Phật giáo, mặt khác lại thể hiện rõ thái độ tôn sùng Phật giáo, bài xích tiên đạo. *Lý hoặç luận* do Mâu Tử viết là tác phẩm Phật học sớm nhất Trung Quốc, trong đó có nhắc đến một số trường hợp Đạo giáo truyền vào Việt Nam đầu tiên⁶, từ đó suy ra, Đạo giáo có thể cùng với Nho học, Phật giáo truyền vào Việt Nam qua ngã đường Quảng Tây:

“Mâu Tử đối với kinh truyện của các nhà, sách lớn sách nhỏ không sách nào là không mê. Tuy không thích binh pháp, nhưng cũng đọc sách binh pháp. Tuy đọc sách thần tiên bắt tử nhưng không tin thần tiên bắt tử, cho đó là chuyện hão huyền. Sau khi vua Hán Linh Đế băng hà, thiên hạ nhiễu loạn, chỉ có Giao Châu là yên ổn, các bậc dị nhân phương Bắc đều tới đây, phần lớn đều tin theo thuật thần tiên tịch cốc trường sinh. Hồi ấy có nhiều học giả, Mâu Tử thường lấy ngũ kinh ra làm khó họ, các đạo gia và thuật sĩ không ai đối đáp cho xuôi được”⁷.

Khi đó, trong số những người tỵ nạn ở Giao Châu có một số thuật sĩ đạo giáo là đàn trưởng thuật thần tiên tịch cốc trường sinh, họ truyền bá “bùa chú của bát tiên Vương Kiêu, Xích Tùng, trăm bảy mươi quyển *Thần thư* (có lẽ là *Thái bình kinh*), chuyện trường sinh”⁸. Người bản địa hào hứng học theo họ để mong trường sinh bất tử. Mâu Tử cũng từng theo học, nhưng không lâu sau thì từ bỏ. Có người “hỏi rằng: Thóc gạo có thể dứt bỏ được ư? Mâu Tử đáp: Khi tôi chưa hiểu đạo cả, thì cũng từng học tịch cốc. Phép thuật này có tới hàng trăm hàng nghìn kiểu, nhưng thực hiện không thấy có hiệu quả, không thấy chứng đắc nên mới thôi. Cứ xem như ba người thầy mà tôi theo học, ông nào cũng nói mình đã sống 700 tuổi, hoặc 500 tuổi, hoặc 300 tuổi, thế mà tôi học họ chưa đầy ba năm, tất cả đều chết sạch. Sở dĩ như vậy, là do không chịu ăn cơm, mà đi xài hàng trăm thức quả, ăn thịt thì tới cả mâm đầy, uống rượu thì đến nghiêng vò rót, tinh thần hỗn loạn. Vì thiếu hơi cơm nên ù tai, mờ mắt, lại không kiêng món tà dâm. Tôi hỏi cơ sao như vậy, trả lời rằng: “Lão Tử nói giảm bớt đi, giảm thêm nữa, cho đến vô vi. Vậy trò nên ngày ngày giảm bớt đi”, nhưng tôi quan sát thì thấy mỗi ngày một tăng lên chứ không giảm, cho nên ông nào cũng chưa tới tuổi “tri mệnh” đã chết. Và Nghiêu, Chu,

Không không ai sống nổi trăm tuổi, vậy mà những kẻ ngu ngốc ở đời mặt thế lại muốn phục thuốc, tịch cốc, cầu mong sống mãi, thì thật buồn thay”⁹. Mâu Tử dựa vào tư tưởng Nho gia và Đạo gia để chỉ trích thuật thần tiên tịch cốc trường sinh của Đạo giáo, những thuật sĩ Đạo giáo kia cũng không dám phản bác. Khi Mâu Tử trả lời về nghi vấn “lời của Phật, Đạo về việc người chết tái sinh”, đã dùng thuyết linh hồn không chết của Phật giáo để phê phán thuyết thân xác không chết của Đạo giáo, rằng: “linh hồn tất nhiên là không chết, nhưng thân xác thì sẽ mục nát. Thân thể giống như rễ và lá của ngũ cốc, linh hồn giống như hạt giống của ngũ cốc. Rễ và lá có sống tất có chết, nhưng lẽ nào hạt giống cũng tiêu vong? Khi đắc đạo, chỉ có thân thể là mất đi thôi”¹⁰. Trong các trước tác Phật giáo Việt Nam, như: *Thiền uyển tập anh*, *Đại Nam thiền uyển truyền đăng lục* cũng có những ghi chép tương tự như trên, tín ngưỡng trường sinh của Đạo giáo ban đầu nương nhờ phương thuật thần tiên, thần thư Đạo giáo được truyền bá ở Việt Nam, nhưng tính linh hoạt trong lý luận và khả năng thích ứng trong thực tiễn của nó không thể hấp dẫn người khác bằng Phật giáo.

Đến thời Hán Hiến Đế (190~220), trong số những quan lại được nhà Hán phái đến Giao Chỉ làm việc đã có một số Đạo sĩ giỏi. Theo *Ngoại Ký* quyển 3 “Sĩ Vương kỷ” trong sách lịch sử Việt Nam - *Đại Việt sử ký toàn thư*, năm Đinh Hợi 21 (207), có ghi chép: “Vua Hán phái Trương Tân làm thứ sử, Tân thích chuyện quý thân, thường đội khăn đỏ, gậy đàn, đốt hương, đọc sách Đạo giáo, nói rằng có thể giúp việc giáo hóa”. Vị thứ sử Giao Chỉ Trương Tân này không chỉ “thích chuyện quý thân”, mà còn mặc y phục Đạo giáo, đọc sách Đạo giáo, gậy đàn, đốt hương, cho rằng làm như vậy có ích cho việc giáo hóa dân chúng. Thời Tam Quốc, quần hùng tranh bá, chiến tranh nổ ra, một số vị giữ chức quan cao trong Tam Quốc, như: Hứa Tĩnh, Viên Bái, Trương Tử Vân, Hứa Từ, Lưu Ba, Trình Bình, Tiết Tông, Viên Trung, Hoàn Thiệu... mang theo người thân cùng người trong dòng tộc di cư đến Giao Chỉ, trong đó có một số người ở một nơi có nhiều đan sa như Giao Chỉ đã bắt đầu tiến hành hoạt động luyện đan dược¹¹. Thái thú Giao Chỉ thời điểm đó là Sĩ Nhiếp (127-226) tuy là Nho sinh,

nhưng cũng hứng thú với thuật thần tiên của Đạo giáo. Theo ghi chép trong *Tam Quốc chí*: “Nhiếp bản tính khoan hậu, khiêm nhường với kẻ dưới, nhân sĩ Trung Quốc đến xin tỵ nạn có đến hàng trăm người”. Dưới quyền cai trị của Sĩ Nhiếp, Giao Chỉ trở thành vùng đất khá yên ổn. Sĩ Nhiếp có uy vọng rất lớn ở vùng đất này: “Khi ra vào thì đánh chuông khánh, uy nghi đủ hết; kèn sáo thổi vang, xe ngựa đầy đường, người Hồ đi sát bánh xe để đốt hương thường có đến mấy mươi người,... người đương thời ai cũng quý trọng, các man di đều sợ phục, dẫu Úy Đà cũng không hơn được”¹². Việc đi lại phô trương của Sĩ Nhiếp ngay đến “Úy Đà”, tức vua đầu tiên của nước Nam Việt là Triệu Đà cũng không hơn được. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng có ghi chép khá giống với *Tam Quốc chí*, trong đó đặc biệt có nhắc đến việc Sĩ Nhiếp uống tiên dược: “Vương độ lượng khoan hậu, khiêm tốn, kính trọng kẻ sĩ, người trong nước yêu mến, đều gọi là vương. Danh sĩ nhà Hán tránh nạn sang nương tựa có hàng trăm người”¹³. Sĩ Nhiếp chiêu mộ người tài khắp thiên hạ, khá nhiều danh sĩ nhà Hán muốn tìm chỗ tránh nạn mà tới, trong đó không thiếu những đạo sĩ mang trong mình những tuyệt kỹ tiên đạo, “xưa vương (Sĩ Nhiếp) mắc bệnh chết 3 ngày, tiên nhân Đồng Phụng đem đến một viên thuốc, lấy nước cho uống,... bốn ngày sau nói được, rồi dần hồi phục. Phụng tên tự là Quân Di, là người đất Quan Hầu, xem *Liệt tiên truyện*¹⁴. Trong *Thần tiên truyện*, Cát Hồng cũng có viết một liệt truyện về Đồng Phụng (136-226), đặc biệt thuật lại công hiệu tiên dược của Đồng Phụng: “Nhiếp ốm, đã chết đi 3 ngày, người tiên là Đồng Phụng cho một viên thuốc hòa vào nước ngâm, rồi đỡ lấy đầu mà lay, một chốc lát mở mắt động tay, sắc mặt bình phục dần dần, ngày hôm sau ngồi dậy được, 4 ngày lại nói được, rồi trở lại bình thường”. Đồng Phụng là người ở Hầu Quan-Phúc Kiến, từng lên Lư Sơn học đạo, sau đó làm nghề y ở một cõi phương Nam, rồi mới đến Giao Chỉ. Từ đó suy đoán, vào thời điểm đó ở Việt Nam đã có đạo sĩ dùng tiên dược để chữa bệnh cho người, dùng thuật khởi tử hồi sinh để tiến hành hoạt động truyền giáo. Phải chăng Đạo giáo truyền vào Việt Nam khi đó có nguồn gốc từ Thái Bình Đạo ở Trung Nguyên? Hay là khởi nguồn từ đạo Ngũ Đấu Mễ còn được gọi là “quỷ đạo” ở vùng đất Ba Thục? Còn cần chờ những nghiên cứu tiếp theo.

Cuối thời Đông Tấn, Tôn Ân, Lư Tuần lợi dụng Thiên Sư Đạo phát động khởi nghĩa lan đến cả vùng đất Giao Châu. Sử chép, Lư Tuần dẫn hơn 3.000 tàn quân bất ngờ đánh chiếm Hợp Phố (nay thuộc Quảng Tây), cộng với quân khởi nghĩa của Lý Dịch ở Cửu Chân (nay là Thanh Hóa, Việt Nam), các dân tộc thiểu số Lý, Lão do Lý Thoát lãnh đạo ở Giao Châu, được hơn 5.000 người liên kết tấn công thành Giao Châu, người ta nói rằng vị “Lý Thoát ở Giao Châu có thể cũng là một vị thủ lĩnh Đạo giáo dân gian, bởi tín ngưỡng của ông ta giống với đạo Ngũ Đấu Mễ nên mới tập hợp được người man ở địa phương tiếp ứng cho Lư Tuần”¹⁵. Cuộc đại khởi nghĩa oanh liệt kéo dài hơn 10 năm của Tôn Ân, Lư Tuần cuối cùng cũng bị thứ sử Giao Châu là Đỗ Tuệ Độ (327~410) đánh bại, Lư Tuần nhảy xuống sông tự sát. Hoạt động khởi nghĩa lần này lấy “người trường sinh” để kêu gọi, về mặt khách quan đã khuếch trương được ảnh hưởng của Thiên Sư đạo Giang Nam ở Việt Nam. Trên thực tế Đỗ Tuệ Độ cũng là một người khá có hứng thú với Đạo gia: “Tuệ Độ ăn mặc đơn giản, tiết kiệm trong sạch. Giỏi đánh đàn, rất thích Trang, Lão, cảm việc thờ cúng dân loạn, mở mang trường học, năm mất mùa dân đói thì lấy của nhà ra chẩn cấp. Ông làm việc chặt chẽ, như làm việc nhà, do đó ơn uy thấm đẫm, trộm cướp không còn, nhờ vậy ban đêm thành không đóng cửa, trên đường người không nhật của rơi”¹⁶. Ông dùng tư tưởng thanh tĩnh vô vi của Đạo giáo để làm chính trị, cấm việc thờ cúng dân loạn, lấy tư tưởng Nho gia làm kim chỉ nam để mở mang việc học hành, nhưng lại tiến hành trấn áp đối với những việc lợi dụng lá cờ Đạo giáo để thực hiện những hoạt động phạm thượng làm loạn.

Thời Đường là thời kỳ Đạo giáo phát triển rực rỡ. Để khống chế Việt Nam chặt chẽ hơn về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, nhà Đường sử dụng các thủ đoạn hành chính, trước tiên thiết lập Giao Châu Đô Hộ Phủ ở Việt Nam, sau đổi thành An Nam Đô Hộ Phủ, ra sức truyền bá ba tôn giáo Nho, Phật, Đạo vào Việt Nam thông qua con đường quan phương. Một số đạo sĩ, thầy mo, thầy phong thủy cũng nối tiếp nhau đến Việt Nam thực hiện các hoạt động truyền giáo. Thời Đường Đức Tông, người từng đảm nhận chức tể tướng của triều Đường là Khương Công Phụ được cho là người thuộc hương Định Thành, huyện Yên Định ở Việt Nam. Ông không những tinh thông

kinh điển Nho gia, có tài kinh luân, mà lại túc trí đa mưu, trung trinh ngay thẳng, vì lời can gián mà bị giáng chức, nhờ tể tướng Lục Chí xin giúp mà không được chức vị, bèn xin làm đạo sĩ: “Lục Chí làm tể tướng, Công Phụ nhiều lần đến nhờ cậy chuyện chức vị, Chí bí mật khuyên rằng: ‘Đâu thừa tướng từng dùng lời mà nhiều lần nói giúp bạn việc quan chức, bề trên thường không vui’. Công Phụ sợ, bèn xin làm đạo sĩ”¹⁷. Điều này cho thấy, ông khi tiến thì lấy Nho thuật để trị đời, lúc thoái thì dùng Đạo thuật để lo cho thân mình, đi những con đường khác nhau trong cuộc đời. Tuy rằng Khương Công Phụ cuối cùng ẩn cư rồi lên cõi tiên ở núi Cửu Nhật Sơn, huyện Nam An, Tuyên Châu, Phúc Kiến, nhưng người Việt Nam cũng có dựng “Khương tướng từ” (đền thờ Khương tể tướng) ở quê cũ của ông, tôn ông làm thượng đẳng phúc thần để cúng tế¹⁸. “Khương tướng từ” đến nay vẫn còn, là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia của Việt Nam. Cùng với sự truyền bá Đạo giáo vào Việt Nam, một số Đạo quán cũng nối nhau được xây dựng ở một số địa phương. Thành phố Hà Nội có Huyền Thiên Quán được dựng từ thời Đường¹⁹. Theo ghi chép trong *Giao Châu bát huyện ký*, thời điểm đó có 21 Đạo quán ở các nơi thuộc Giao Châu²⁰, trong đó Thông Thiên Quán ở Bạch Hạc (Việt Trì) được dựng trong khoảng thời gian từ năm 650~655, thờ phụng Phúc thần thần Tam Giang ở vùng Bạch Hạc, được hình thành trên cơ sở sự hỗn dung giữa Đạo giáo thần tiên với tín ngưỡng thần núi, thần sông của người Việt. Đạo quán này được bảo tồn suốt 14 thế kỷ.

Năm Hàm Thông thứ 7 (866), nhà Đường phái Tĩnh Hải Quân Tiết Độ sứ Cao Biền (?~887) đến trấn thủ An Nam. Ông một mặt chinh trị đường sông từ An Nam tới Quảng Châu, nối liền con đường vận chuyển vật tư Giao-Quảng, phát triển kinh tế An Nam, một mặt ông lại đam mê thuật thần tiên, coi trọng đám đạo sĩ Lã Dụng Chi, Trương Thủ Nhất. “Vào thời Cao Biền, Đạo giáo mê tín bùa chú truyền đến các địa phương ở nước ta”²¹. Cao Biền lập đàn cầu cúng ngày đêm, bái thần lập quỹ, luyện kim nấu đan, chi phí khó mà tính nổi, thực hiện phép thuật Đạo giáo như dẫn sấm sét đánh xuống các tảng đá lớn trên sông để khơi thông đường thủy, thúc đẩy sự truyền bá bùa chú của Đạo giáo tại Việt Nam. Sau này, Cao Biền cũng được người Việt Nam tôn làm “Phúc thần”. Từ cuối thời Hán đến thời Đường cũng là

thời kỳ Đạo giáo truyền vào Việt Nam theo con đường di dân và dần dần phát triển ở môi trường văn hóa của vùng đất mới.

II

Thời Ngũ Đại Thập Quốc, Trung Nguyên đại loạn, Tiết độ sứ các nơi dựng binh lập quốc. Năm 939, Ngô Quyền (898~944) tận dụng thời cơ thoát khỏi sự khống chế của vương triều Trung Quốc, tuyên bố độc lập, thành lập nhà Ngô (939~967), từ đó Việt Nam bước vào con đường phát triển độc lập. Sau thời kỳ thống trị ngắn ngủi của nhà Ngô, lần lượt xuất hiện bốn triều đại là triều Đinh, triều Tiền Lê, triều Lý, triều Trần, kéo dài trong khoảng thời gian hơn 400 năm (968~1399). Vào thời điểm đó tuy rằng Việt Nam đã thoát khỏi sự khống chế hành chính của Trung Quốc và giành được độc lập, tầng lớp cai trị các đời vẫn luôn đề xuất và đưa về điển chương chế độ và văn hóa tôn giáo Trung Quốc, tư tưởng Nho giáo được dùng làm đường lối trị quốc, Phật giáo trong một thời gian được coi là quốc giáo, có những lãnh tụ tăng lữ còn được gọi là quốc sư. Trong sự thay đổi vương triều, Đạo giáo nhờ nhận được sự hỗ trợ của các hoàng đế các đời nên ngày càng có thể lực và tiếp tục lan rộng trong xã hội Việt Nam.

Tương truyền, người gây dựng triều Đinh là Đinh Tiên Hoàng (924~979) có một lần trước khi khởi binh đã đến lễ bái thần thánh ở đạo quán Thiên Tôn Động, nay thuộc tỉnh Ninh Bình, sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, lập nên triều Đinh (968~979), ông lại đổi “Thiên Tôn động” thành “An Quốc từ”, đặt quốc hiệu Cồ Việt, lấy niên hiệu là Thái Bình, hy vọng thần linh của Đạo giáo có thể bảo vệ đất nước bình yên. Theo ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư*, năm Thái Bình thứ 2 thời Đinh Tiên Hoàng (971) thực hiện chính sách thi cử gồm cả Nho-Phật-Đạo, đặc biệt có cấp chức quan cho lãnh tụ Phật giáo và Đạo giáo, ban cho Trương Ma Ni làm Tăng lục, đạo sĩ Đặng Huyền Quang được trao chức Sùng Chân Uy Nghi, đặt Đạo giáo ở vị trí ngang bằng với Phật giáo. Năm 971²², Tống Thái Tổ phong cho Đinh Tiên Hoàng làm Giao Chỉ quận vương, Đinh Liễn làm Kiểm hiệu thái sư, Tĩnh Hải tiết độ sứ An Nam đô hộ. Từ đó, người thống trị triều Tống coi An Nam là một trong “Liệt bá”. Năm 979, Đinh Tiên Hoàng bị sát hại trong cuộc chính biến cung đình. Năm 980, Lê Hoàn được triều thần ủng hộ, lập ra triều Tiền Lê.

Sau khi triều Tiền Lê (980~1009) được thành lập, theo ghi chép trong “Bản kỷ” sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, chịu ảnh hưởng từ sự sùng bái Đạo giáo ở triều Tống, hoàng đế triều Tiền Lê đã từng “mời đạo sĩ núi Hoa Sơn²³ là Trần tiên sinh đến cửa khuyết” vào năm Hưng Thống thứ 4 (992). Trần tiên sinh là ai? Có người cho rằng đó là đạo sĩ Trần Đoàn ở núi Hoa Sơn nổi tiếng thời Bắc Tống, nhưng sách sử Trung Quốc không hề ghi chép việc Trần Đoàn đến Việt Nam. Những ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* ít nhất cũng chép rằng, Trần Đoàn nổi danh khắp thiên hạ, ngay đến hoàng đế cũng mong muốn có thể mời được ông ta tới cạnh mình. Từ năm Ứng Thiên thứ 13 triều Tiền Lê (1006) đã “Sửa đổi quan chế và triều phục của các quan văn võ và tăng đạo, theo đúng như nhà Tống”²⁴. Ảnh hưởng của Đạo giáo ở Việt Nam tuy có kém hơn so với Nho giáo và Phật giáo, nhưng nó vẫn là một trong những bộ phận quan trọng cấu thành văn hóa Việt Nam.

Sau khi triều Lý thành lập (1010~1224), suốt 200 năm thống trị vẫn đề cao Nho, Phật, Đạo, nhưng cũng rất coi trọng Đạo giáo..., ban lệnh tu sửa các tự quán ở các hương ấp đã bị hủy hoại... Con của Thái Tổ là Lý Thái Tông (1028~1054) khi đăng cơ, đạo sĩ Trần Tuệ Long nhờ việc tạo “thiên mệnh” cho vua nên được sùng tín, được ban áo ngự. Theo ghi chép trong quyển 5 sách *Việt sử thông giám cương mục*, ngay sau khi đăng cơ, Lý Thái Tông đã “bắt đầu cho thi tam giáo, dùng Nho, Đạo, Thích thi chọn kẻ sĩ, người thi đỗ được làm quan”, chia đạo quan làm ba cấp là Đạo lục, Uy nghi, Đô quan. Năm Lý Thái Tông thứ 4 (1031) “xuống chiếu phát tiền thuê thợ làm chùa quán ở các hương ấp, tất cả 150 chỗ”. Cùng năm đó, “đạo sĩ là Trịnh Trí Không tâu xin cho các đạo sĩ được nhận ký lục²⁵ ở cung Thái Thanh. Vua y cho”. Do thời gian quá lâu, vị đạo sĩ Trịnh Trí Không này rút cục là ai? Đến nay không rõ, nhưng đoạn ghi chép này nêu rõ đạo sĩ Trịnh Trí Không tâu xin hoàng đế cho phép cung Thái Thanh cử hành nghi thức cấp giấy ký lục và tên hiệu cho đạo sĩ, được Lý Thái Tông chính thức phê chuẩn. Có thể thấy Đạo giáo sau khi vào Việt Nam, trải qua một thời gian được người Việt Nam tìm hiểu và chỉnh sửa, đã được họ thấu hiểu và chấp nhận, đã có một số người theo đạo... Năm Long Phù Nguyên Hóa thứ 2 (1102) thời Lý Thánh Tông, xây dựng ba

đạo quán là Khai Nguyên, Thái Dương, Bắc Đế, các đạo sĩ lập đàn cầu cúng²⁶ và thực hiện các hoạt động truyền bá nghi thức trai tiếu.

Quyển 2 sách *Đại Việt sử ký* ghi, Lý Nhân Tông “tháng 11 năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 4 (1123) trở về kinh đô, Nho, Lão Phật đều dâng thơ mừng”. Lý Thần Tông cũng tôn sùng Phật giáo và Đạo giáo. Ông từng ban lệnh miễn trừ tạp dịch cho tăng sĩ và đạo sĩ. Năm Thiên Chương Bảo Tự thứ 2 (1134), Lý Thần Tông đến thăm quán Ngũ Nhạc ở kinh đô, có người dâng rùa thần, bụng khắc tám chữ “Thiên thư hạ thị thánh nhân vạn tuế”. Lý Thần Tông vô cùng vui mừng, liền hạ lệnh trùng tu mở rộng quán Ngũ Nhạc. Tháng 4 năm sau, Lý Thần Tông lại thân hành đến quán Ngũ Nhạc, ban tiền mừng hoàn thành bộ tượng Tam Thanh. Có người coi đây là những ghi chép sớm nhất trong các sách lịch sử Việt Nam về việc tạo tượng Tam Thanh ở các đạo quán Việt Nam. Thời Lý Anh Tông, “năm Chính Long Bảo Ứng thứ 7 (1169), mùa xuân, ngày rằm tháng 3 có nguyệt thực, cá ở cửa biển chết. Sai tăng ni, đạo sĩ các chùa quán ở kinh đô và các nơi tung kinh cầu đảo”²⁷. Theo một nghĩa nào đó, triều Lý đề cao Đạo giáo, coi nó như một tôn giáo của hoàng tộc.

Triều Trần (1225~1399), nguyên nhân vua khai quốc Trần Thái Tông sùng kính Đạo giáo là vì ham mê thuật tu tiên và nghi thức lập đàn trai tiếu phù thủy²⁸. Tuy Trần Thái Tông là vua đầu tiên của nhà Trần, nhưng người nắm quyền trên thực tế là hai người chú Trần Tự Khánh, Trần Thủ Độ. Trần Cảnh khi còn tại vị đã nồng nhiệt ủng hộ các đạo sĩ Trung Quốc đến Việt Nam truyền giáo, cho nên Đạo giáo vào thời Trần rất hưng thịnh, “vua nhà Trần cùng người trong hoàng tộc có nhiều người là đạo sĩ, những tín đồ Đạo giáo sùng đạo có mặt ở khắp nơi”²⁹. Theo ghi chép trong quyển 6 “Trần kỷ”, sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, năm Trần Anh Tông Hưng Long thứ 10 (1302), “khi đó có đạo sĩ phương Bắc là Hứa Tông Đạo từ Trung Quốc theo thuyền buôn đến, cho phép cư trú ở bên sông An Hoa. Các nghi thức lập đàn và làm trai tiếu³⁰ phù thủy³¹ thịnh hành ở nước ta bắt đầu từ đây”³². Hứa Tông Đạo là đạo sĩ ở Phúc Châu, sau khi theo đường biển tới Việt Nam, ông đã tích cực hỗ trợ quân dân nhà Trần kháng chiến chống quân Nguyên, và còn nhiều lần lập trai đàn Hoàng Lục³³ giúp

trường công chúa Thiên Thụy và trường công chúa Thiên Chân, cũng như cầu siêu, cầu có con nối dõi, cầu phúc thọ cho Trần Anh Tông, nhận được sự tin sùng từ nhà vua và hoàng thái hậu, nhiều lần được cấp vàng bạc tu sửa cung Thái Thanh ở kinh thành, thúc đẩy việc lập đàn cầu cúng của Đạo giáo ở Việt Nam trở nên phổ biến. Đạo sĩ cũng được trọng đãi trong triều Trần, nếu không có con, sẽ lệnh cho đạo sĩ cầu khẩn giúp; nếu muốn kéo dài tuổi thọ, cũng lệnh cho đạo sĩ lập đàn trai cầu phúc; nếu hoàng đế bị bệnh, liền lệnh cho đạo sĩ dùng bùa phép để phù phép trấn áp cho yên, tiêu trừ bệnh tật, như con thứ 6 của Trần Thái Tông là Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật “rất hâm mộ Huyền giáo³⁴, thông hiểu xung điện³⁵, nổi tiếng đương thời là người uyên bác. Hồi Thượng hoàng còn nhỏ, bị ốm, từng sai ông phù phép trấn áp cho yên. Ông mặc áo lông đội mũ, trông như đạo sĩ³⁶. Con người sùng đạo Trần Nhật Duật “đến năm 48 tuổi bị bệnh gần chết mấy lần, các con lập đàn trai xin giảm tuổi thọ của mình để kéo dài tuổi thọ cho cha, thượng đế cảm động với tấm lòng hiếu thảo của các con ông, đã kéo dài tuổi thọ của Nhật Duật thêm 20 năm, cho nên Nhật Duật thọ 77 tuổi³⁷. Chức năng cầu phúc tiêu tai của đàn trai tiều Phù Lục³⁸ đã tăng cường ảnh hưởng xã hội của Đạo giáo, và thu hút một số vị vua để tâm theo đuổi việc tu đạo thành tiên.

Cuối triều Trần, Hồ Quý Ly (1336~1407) nắm giữ đại quyền của triều đình, lệnh cho đạo sĩ Nguyễn Khánh khuyên Trần Phế Đế (1377~1388) xuất gia tu tiên, truyền ngôi cho hoàng thái tử: “vua nghe lời, rồi Khánh làm lễ tâu ghi vào sổ phụng đạo vào cõi tiên. Quý Ly làm cung Bảo Thanh ở phía tây nam núi Đại Lại, mời vua tới ở đó. Vua bèn nhường ngôi cho hoàng thái tử”. Sau khi hoàng thái tử trở thành Trần Thiếu Đế (1398~1400): “Quý Ly cưỡng ép vua phải xuất gia thờ Đạo giáo, ra ở quán Ngọc Thanh thôn Đạm Thủy³⁹. Cuối cùng, Trần Thiếu Đế cũng bị ép phải từ bỏ ngôi vua, xuất gia làm đạo sĩ. Vua các triều Lý, Trần rất coi trọng đạo sĩ, xây dựng đạo quán, ẩn cư tu đạo, khiến xã hội Việt Nam đương thời xuất hiện bầu không khí sùng đạo, đạo sĩ Trung Quốc cũng có thể thực hiện các trai đàn cầu cúng trong đạo quán khá dễ dàng, thúc đẩy truyền bá phái Phù Lục của Đạo giáo ở Việt Nam.

III

Năm 1400, triều Hồ được thành lập (1400~1407). Nhà Minh lấy cớ khôi phục nhà Trần đem quân tới Việt Nam, đến năm 1407 thì lật đổ triều Hồ, đưa Việt Nam trở lại sự thống trị của triều Minh. Để tăng cường quản lý đối với Đạo giáo Việt Nam, triều Minh thiết lập Đạo Ký ty, Đạo Chính ty, Đạo Hội ty ở các phủ huyện ở Việt Nam. Theo sách *An Nam chí nguyên*, đương thời Việt Nam có 12 Đạo Ký ty, 24 Đạo Chính ty, 50 Đạo Hội ty, 92 đạo quán, Đạo giáo bị đặt dưới tầng tầng lớp lớp quản lý. Năm 1428, Lê Lợi (1385~1433) lãnh đạo quân dân đuổi quân Minh ra khỏi Việt Nam, lập nên nhà Lê (1428~1789).

Để củng cố vương triều mới, Thái Tổ Lê Lợi độc tôn Nho thuật, từ góc độ Nho học chỉnh đốn trật tự tôn ti đẳng cấp xã hội, và thực hiện sách lược khống chế Phật giáo, Đạo giáo, lệnh cho tăng đạo tham dự khảo thí, người thi đỗ được làm tăng đạo, người thi trượt phải hoàn tục. Ngày mùng 10 tháng 6 năm Thuận Thiên thứ 2 Lê Thái Tổ (1429) hạ chỉ: “các tăng đạo, người nào thông kinh điển, trong sạch, giữ tiết hạnh, hẹn đến ngày 20 tháng này tới sảnh đường trình diện, để xét duyệt cho thi, ai đỗ thì cho làm tăng đạo, ai không đỗ thì bắt hoàn tục”⁴⁰. Trong hoàn cảnh như thế, địa vị xã hội của Đạo giáo mỗi lúc một suy kém, nhưng những điều Đạo giáo khởi xướng như sống lâu, trường thọ thành tiên vẫn được giới vương công quý tộc, văn nhân học sĩ đón nhận. Trong đội ngũ lãnh đạo của triều Lê cũng không thiếu người sùng tín Đạo giáo, như trong thời Lê Hiến Tông (1461~1504) tại vị, nạn châu chấu hoành hành, nên ông lệnh cho đạo sĩ làm phép trừ châu chấu; thiên hạ đại hạn, liền lệnh cho đạo sĩ hướng về “hạo thiên chí tôn ngọc hoàng thượng đế” cầu mưa⁴¹. Nghi thức trai tiếu của Đạo giáo vẫn có nền tảng xã hội rộng lớn ở Việt Nam, một số đạo quán cũng được xây mới. Năm 1567, Khiêm Thái Vương và một số thân vương, công hầu của họ Mạc quyên góp tiền xây dựng đạo quán tại tỉnh Hải Dương; bởi Lê Thần Tông (1619~1662) sùng mộ Đạo giáo mà trong nước Việt Nam đương thời xuất hiện một trong những đạo tràng⁴² lớn nhất là “Nội Đường Đạo”⁴³; Năm 1681, nhà quân sự chính trị triều Hậu Lê là Trịnh Tạc (1606~1682) trùng tu quán Trấn Vũ ở Hà

Nội, giữa chính điện thờ tượng đồng Trần Vũ Chân Quân, cao 3,46 mét, nặng 4 tấn, khoác áo choàng ngoài, tay trái bắt ấn quyết, tay phải cầm kiếm, dưới đầu gối có tạo hình quy xà hợp thể, thể hiện rõ tạo hình và thần thái uy vũ của Huyền Thiên Đại Đế. Do quân vương các đời thường tới đây làm phép trừ yêu, nên Trần Vũ Quán còn được coi là đạo quán của hoàng gia. Thái độ sống đặt mình ra ngoài thế sự, thuận theo tự nhiên, tu tâm dưỡng tính của Đạo giáo cũng được giới văn nhân triều Hậu Lê đón nhận. Họ đem các tư tưởng “quả dục”, “tri túc”, “tri chi” được Lão Trang khởi xướng vận dụng vào trong cuộc sống của mình, thông qua các sáng tác văn chương tán thưởng tư tưởng lánh đời, dưỡng sinh, quý trọng bản thân của Đạo giáo, thúc đẩy sự truyền bá của đạo gia Lão Trang và niềm tin Đạo giáo trong giới nhân sĩ. Trong quyển 6 sách *Thù vực chu tư lục*, Nghiêm Tùng Giản thời Minh đã giới thiệu tình trạng truyền bá thư tịch Trung Quốc tại Việt Nam đương thời:

“Nhu sách Nho thì có bộ sử *Thiếu Vi*, sử *Tư trị thông giám*, sử *Đông Lai*; các sách như *Tứ thư Ngũ kinh*, *Hồ thị Tả truyện*, *Tính lý*, *Thị tộc*, *Vận phủ*, *Ngọc thiên*, *Hàn mặc*, *Loại tự*, *Hàn Liễu truyện*, *Thi học đại thành*, *Đường thư*, *Hán thư*, *Cổ văn tứ trường*, *Tứ đạo*, *Nguyên lưu*, *Cổ xuy*, *Tăng vận*, *Quảng vận*, *Hồng Vũ chính vận*, *Tam Quốc chí*, *Vũ kinh*, *Hoàng Thạch công tổ thư*, *Vũ hầu Tướng Uyển bách truyện*, *Văn tuyển*, *Văn tụy*, *văn hiến*, *Nhi sử cương mục*, *Trinh Quán chính yếu*, *Tất dụng thanh*, *Tiền Trung chu vận tuyển Thái công gia giáo*, *Minh tâm bảo giám*, *Tiến dăng tân dư thoại*... Các sách về *Thiên văn*, *Địa lý*, *Lịch pháp*, *Tướng thư*, *Toán mệnh*, *Khắc trạch*, *Bốc vu*, *Toán pháp*, *Triện lệ*, *Gia y dược*; Ngoài ra *Thiền lâm*, *Đạo lục*, *Kim cương*, *Ngọc khu* và kinh, tạp truyện về chư Phật cũng đều có cả⁴⁴.

Trong số rất nhiều sách vở gốc Hán truyền vào Việt Nam, *Thiên văn*, *Địa lý*, *Lịch pháp*, *Tướng thư*, *Toán mệnh*, *Khắc trạch*, *Bốc vu*, *Toán pháp*, *Triện lệ*, các sách *Gia y dược*, *Đạo lục*, và *Ngọc khu* đều liên quan đến Đạo giáo. *Ngọc khu* tức *Ngọc Khu kinh*, có tên đầy đủ là *Cửu Thiên Ứng Nguyên Lôی Thanh Phổ Hóa Thiên Tôn Ngọc Khu bảo kinh*, là đạo kinh được phái Thần Tiêu thuộc Đạo giáo Tân Phù Lục

thời Tống - Nguyên sử dụng. Kinh này sùng bái Lôi Thần tối cao của Đạo giáo là *Lôi Thanh Phổ Hóa Thiên Tôn*, cho rằng *Lôi Thanh Phổ Hóa Thiên Tôn* đứng đầu Ngũ Lôi, là thần phổ hóa quần sinh, thương thiện phạt ác. Nếu ai gặp tai cứu ách, tụng niệm *Ngọc Khu* và trong đầu nghĩ về danh hiệu Lôi Thần, thì có thể các thần sẽ đến trước mặt, giúp họ tiêu tai giải ách⁴⁵. Phép tiêu tai giải ách này của phái Tân Phù Lục nhận được sự chào đón của dân chúng, từng được lưu truyền ở dải đất Vân Nam, sau này có bản diễn giảng của hội Động Kinh Vân Nam⁴⁶. Như trong bài khấn của người Dao ở huyện Ma Lạt Pha, tỉnh Vân Nam có *Ngọc Khu kinh ca*, trong đó có đoạn: “Nhĩ thời Ngọc Thanh tại thiên trung, diễn dịch Ngọc Khu kinh bảo điển. Dĩ cứu nhân thế chi ngu mộng, siêu độ trầm hôn nhân thánh địa. Bội đãi tiêu tai khu tà phù, tụng thi giáng phúc vu nhân thế”⁴⁷. *Ngọc Khu kinh* là kinh thư Đạo giáo giúp con người ta mở mang trí tuệ, tiêu tai giáng phúc, có lẽ nhờ được lưu truyền ở Vân Nam, Trung Quốc nên sau đó được truyền vào Việt Nam.

Thế kỷ XVII, giáo sĩ truyền đạo Kitô xuất hiện ở Việt Nam, lấy danh nghĩa truyền giáo để tiến hành một kiểu xâm thực từng bước về văn hóa đối với Việt Nam, ví dụ, giáo sĩ truyền giáo người Tây Ban Nha dùng chữ Latinh đơn giản để chú thích một số từ ngữ Hán Nôm, sau này giáo sĩ người Pháp từng sinh sống mấy chục năm ở Việt Nam là Alexandre de Rhode đã biên soạn “Việt-Bồ-La tự điển”, biến chữ Hán Nôm thành chữ Quốc ngữ Việt Nam Latinh hóa dễ đọc dễ viết. “Việt-Bồ-La tự điển” trải qua sự bổ sung và hoàn thiện của mấy đời giáo sĩ truyền giáo suốt hơn 200 năm, như: Cadière, hiện nay đã trở thành sử liệu quý được lưu giữ tương đối toàn vẹn⁴⁸. Trong quá trình Latinh hóa chữ Hán Nôm, các giáo sĩ đồng thời cũng dần tách văn hóa Việt Nam ra khỏi môi trường chữ Hán, điều này về mặt khách quan đã loại bỏ mất mảnh đất văn hóa cho sự truyền bá kinh điển Đạo giáo tại Việt Nam. Sau khi xã hội Việt Nam lâm vào tình trạng chia rẽ và nội chiến, với ý định dùng tư tưởng Nho gia để thống nhất nhân dân, Lê Thuần Tông vào năm Long Đức thứ 2 (1733) đã “cấm cả nước xây dựng chùa, quán, tượng Phật” để ngăn cản Phật giáo và Đạo giáo truyền bá trong xã hội Việt Nam.

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh (1762~1819) thành lập vương triều cuối cùng trong lịch sử Việt Nam - Triều Nguyễn (1802~1945), định đô ở Phú Xuân (Thừa Thiên-Huế ngày nay), lúc đầu định đặt quốc hiệu là Nam Việt, nhưng triều Thanh đổi thành “nước Việt Nam”, sách phong khai quốc hoàng đế Nguyễn Phúc Ánh là “Việt Nam quốc vương”. Nguyễn Phúc Ánh kế thừa truyền thống của triều Hậu Lê, độc tôn Nho học, duy trì mối quan hệ ngoại giao và giao lưu văn hóa với triều Thanh. Thời điểm đó Đạo giáo Việt Nam và Đạo giáo Trung Quốc phát triển giống nhau, từ thượng tầng xã hội đi xuống dân gian. Đạo giáo trong hoạt động xã hội dân gian Việt Nam cũng không được thịnh hành bằng Phật giáo, nó chủ yếu thực hành các hoạt động như cúng bái thần linh, cầu cơ giáng bút, xin thần linh phán quẻ và khuyến thiện thuyết giáo, v.v... trong các đạo quán, không những dần bị Việt Nam hóa, mà còn thâm thấu vào những tôn giáo khác, ví dụ: một số chùa miếu Phật giáo cũng có thờ cúng tượng thần Đạo giáo như Ngọc Hoàng, Chân Vũ, Bắc Đẩu, v.v... mở rộng sức ảnh hưởng của thần linh Đạo giáo.

Năm 1862⁴⁹, nước Pháp đã phát động chiến tranh xâm lược Việt Nam, bức ép Việt Nam ký kết “Điều ước Sài Gòn”, Việt Nam bị biến thành thuộc địa của Pháp. Cùng với đó, giáo sĩ truyền giáo đến Việt Nam ngày một nhiều, bắt đầu thực hiện một loại xâm lấn văn hóa từng bước, đặc biệt là Latinh hóa chữ Hán Nôm, làm lung lay nền tảng văn hóa cho sự tồn tại của Đạo giáo. Đạo giáo chỉ còn là một loại tín ngưỡng dân gian của Việt Nam, được lưu giữ trong cuộc sống của người dân thuộc tầng lớp thấp trong xã hội. Học giả người Pháp Rolf Alfred Stein (1911~1999) đến Việt Nam vào năm 1942 đã nghiên cứu một số lượng lớn các châu cảnh ở các gia đình và tự viện Việt Nam, ông thấy rằng những châu cảnh này luôn được trang trí bằng minh văn của Đạo giáo⁵⁰, từ đó có thể thấy được những thứ còn sót lại của văn hóa Đạo giáo trong đời sống xã hội Việt Nam. Người ta thường cho rằng, sau thế kỷ XIX, Đạo giáo có xu hướng suy tàn ở Việt Nam⁵¹, nhưng thực tế tình hình không đơn giản như vậy.

Ngày nay, trong xã hội Việt Nam vẫn còn một số đạo quán duy trì sinh hoạt tôn giáo, ví dụ, đền Ngọc Sơn bên bờ hồ Hoàn Kiếm, Thành

phố Hà Nội là đạo quán được xây dựng mới trên nền móng của chùa Ngọc Sơn đã bị phá hủy năm 1843, điện chính là điện Văn Xương và miếu Quan Đế, thờ cúng Quan Đế, Lã Tổ, Văn Xương, và Trần Hưng Đạo, trong đó ngoài anh hùng dân tộc triều Trần là Trần Hưng Đạo, các vị khác đều là các vị thần Đạo giáo được thờ cúng rộng rãi ở Trung Quốc thời Minh Thanh. Trong các đạo quán Huyện Thiên Quán, Yên Lạc Đường cũng thờ chung Phật, Đạo, Nho và các thần linh trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Khánh Vân Nam Viện ở Thành phố Hồ Chí Minh là ngôi đền Đạo giáo duy nhất ở Việt Nam lưu giữ được các nét đặc sắc của Toàn Chân đạo, được xây dựng vào năm Quang Tự thứ 25 (1899) do phân linh từ Trà Sơn Khánh Vân Động ở Nam Hải-Quảng Đông chuyển tới, nên còn gọi là “Nam Viện”:

Đến cuối thời Thanh đầu thời Dân Quốc, vận tải đường biển được mở rộng, giao thông thuận tiện, những người ở các khu vực khác nhau cùng ôm chí hướng xuất ngoại bằng đường biển ngày một nhiều, hai tỉnh Vân, Việt thì coi Hồng Kông là cửa ngõ, rồi từ Hồng Kông đi đến Việt Nam, Xiêm, Miến Điện, Ấn Độ, cho đến Singapore, Malay, Borneo, Philippines, Indonesia, Mauritius, Nam Phi, v.v... đều chung xu thế tăng lên. Trong những năm gần đây, ước tính số đạo quán đã có mặt ở các nơi, ở Hồng Kông có hơn 90 đạo quán, ở Sing-Mã có hơn 70 đạo quán, hơn 60 ở Thái Lan, hơn 10 ở Indonesia và Việt Nam..... nhưng đáng chú ý là Khánh Vân Nam Viện hiện có số tín đồ Đạo giáo ước chừng hơn 1.000 người, chủ yếu sống quanh khu vực người Hoa⁵².

Khánh Vân Nam Viện được xây dựng vào khoảng giữa thế kỷ 20, cổng sơn môn có câu đối: “Khánh lập miếu môn hoành khai phổ độ, Vân hoàn ngô đạo quang thiết tân lương”, hoành phi ghi “chúng diêu chi môn”. Chính điện của Nam Viện là một tòa nhà hai tầng, chính giữa Đại điện ở tầng dưới thờ Từ Hàng đạo nhân (tức Quán Thế Âm), bồi thi phía trước là Văn Xương, Quan Đế và Lã Tổ; bên trái thờ Xích Tùng chân nhân; bên phải thờ Hoa Đà tiên sư. Tầng hai đặt điện Thích Ca, điện Quan Âm, điện Địa Tạng và điện Thái Thanh, thể hiện một cách sinh động tín ngưỡng tam giáo hợp nhất của đạo Toàn Chân. Đồng thời, bên ngoài Khánh Vân Nam Viện còn có “Ân Tu các”, bên trong đặt

“Liễu Chân Quân phủ”, thờ phụng thánh mẫu Liễu Hạnh - một vị thánh được sùng bái trong tín ngưỡng thờ Mẫu của Việt Nam. Căn cứ vào cách gọi, thánh mẫu Liễu Hạnh đã được Lã Tổ thu nhận làm đệ tử, trở thành thần tiên của Đạo giáo Việt Nam. Đạo giáo và tôn giáo tín ngưỡng bản địa của Việt Nam hòa trộn với nhau, đưa đến sự ra đời của một số đạo phái mới mang đậm nét văn hóa của dân tộc Việt Nam, trong đó ảnh hưởng lớn nhất chính là đạo Mẫu và đạo Cao Đài. Khánh Vân Nam Viện cũng nhập gia tùy tục mà chấp nhận tín ngưỡng đó. Ngoài ra, “Thanh Liên giáo” do Hoàng Đức Huy người Giang Tây dựa trên cơ sở Đạo giáo sáng lập vào đầu thời Thanh, còn được gọi là “Kim Đơn giáo”⁵³ tới cuối thời Thanh đầu thời Dân Quốc thì được truyền bá khắp cả nước, sau khi từ Hồ Bắc truyền vào Quảng Đông thì được đổi tên thành Tiên Thiên đạo, sau đó truyền sang Việt Nam⁵⁴. Những đạo đường, trai đường do Tiên Thiên đạo lập ra đã tăng lên mạnh mẽ trong nửa đầu thế kỷ XX, sau khi truyền sang Việt Nam, nó đã trở thành cơ sở văn hóa cho sự truyền bá Đạo giáo ở Việt Nam hiện nay.

IV

Xét về mặt thời gian, ngay từ khi mới ra đời Đạo giáo đã được truyền vào Việt Nam, nguồn mạch vẫn lưu truyền trong sự tiếp biến văn hóa cho đến tận ngày nay. Xét theo con đường truyền bá, Đạo giáo ban đầu được truyền bá bằng đường bộ (Vân Nam hoặc Quảng Tây) vào Việt Nam, sau đó vào thời Đông Tấn, Tôn Ân, Lư Tuấn khởi nghĩa lại truyền bá Thiên Sư đạo vào Việt Nam thông qua đường biển. Toàn Chân đạo ra đời vào thời Kim Nguyên, trong quá trình truyền giáo xuống phương nam vào cuối thời Minh, đã hình thành nhiều tuyến đường truyền bá: có thể là từ Giang Nam truyền đến vùng duyên hải Đông Nam, sau đó theo Hoa kiều di cư thuộc các khu vực Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, Hồng Kông, Ma Cao truyền vào Việt Nam; có thể là từ Lương Hồ truyền đến Vân Nam, sau đó truyền vào Việt Nam. Học giả người Nhật Bản Takeuchi Fusaji cho rằng, cuối thế kỷ XIX, giáo lý và kinh sách liên quan của Tiên Thiên đạo từ Vân Nam truyền vào Việt Nam, như *Dao Trì vương mẫu tiêu kiếp cứu thế bảo sám*, *Trọng khắc phá mê tông chỉ* mà Viện Nghiên cứu Hán Nôm đang lưu trữ⁵⁵. Có thể từ Lương Hồ truyền đến Quảng Tây, sau

đó truyền vào Việt Nam. Ví dụ, núi Võ Đang ở Hồ Bắc là đất phát nguồn của Chân Vũ đại đế, sau đó truyền ra khắp các nơi thuộc Đông Á và Đông Nam Á, trong các thành trấn dọc con đường giao thông Trung Việt phần lớn đều có đạo quán thờ cúng Chân Vũ đại đế: “Từ cửa khẩu Hữu Nghị (tên cũ là Trấn Nam Quan), Quảng Tây, Trung Quốc qua Lạng Sơn truyền vào miền Bắc Việt Nam, ở Lạng Sơn có đền Trấn Bắc Chân Vũ. Từ Lạng Sơn xuôi xuống phía nam, có đền Thiên Chân Vũ tại núi Vũ Dương⁵⁶ ở Thụy Lôì, tỉnh Bắc Ninh, có đền Trấn Vũ ở Cự Linh ven bờ đông sông Hồng. Vượt qua sông Hồng đến Thành phố Hà Nội, có hai hoặc ba đền Chân Vũ tương tự như quán Chân Vũ ở Tây Hồ. Phần lớn các đền Chân Vũ ở miền Bắc Việt Nam này đều tọa lạc trên tuyến đường từ Trung Quốc sang Việt Nam, và hầu hết tượng thần Chân Vũ ở các đền Chân Vũ này đều quay mặt về hướng bắc”⁵⁷. Từ đó có thể thấy con đường truyền bá tín ngưỡng Chân Vũ đại đế từ Vân Nam vào Việt Nam và quán Chân Vũ có mối quan hệ mật thiết với Đạo giáo Trung Quốc. Có thể là từ Lương Hồ truyền đến Quảng Đông, Hồng Kông, sau đó truyền vào Việt Nam: “Chi phái Việt Đông bắt đầu từ thủy tổ Bành Y Pháp truyền cho Tạ Sư Thừa Cảnh, Trần Sư Luyện Tính, Hoàng Sư Văn Tảo, Trần Sư Phục Thủy từ Sở Bắc truyền vào Thanh Viễn Quảng Đông, rồi truyền đến Lâm Sư Pháp Thiện thì mở ra Tạng Hà Động ở núi Hiết Hiệp-Thanh Viễn; lại truyền đến Lý Sư Đạo Vinh thì mở ra Sầm Khanh Cẩm Hà Động ở núi Kỳ Sơn-Thanh Viễn”⁵⁸. Đạo đường Tiên Thiên đạo ở các khu vực Quảng Đông, Hồng Kông Trung Quốc, Việt Nam được truyền từ đời này sang đời khác, từ thủy tổ Bành Y Pháp mở đầu, “tam hoa truyền ngũ khí”⁵⁹: Tạ Thừa Cảnh, Trần Luyện Tính, Hoàng Văn Tảo, Trần Phục Thủy, Lâm Pháp Thiện, được “Thất thánh chủ nhiệm phổ độ”, năm người⁶⁰ này là “Người phụ trách”⁶¹. Thời Hàm Phong triều Thanh, tổ sư Hồ Bắc của Tiên Thiên đạo đến đất Việt truyền đạo, hóa độ cho bậc túc Nho ở Thanh Viễn là Lâm Pháp Thiện, rồi đến năm Đồng Trị thứ 2 (1863) huy động vốn xây dựng Tạng Hà Động, trở thành nơi khởi nguồn cho dòng Tiên Thiên đạo tại Lĩnh Nam. Nhờ những cố gắng của thầy trò Trần Phục Thủy và Lâm Pháp Thiện, Tiên Thiên đạo Lĩnh Nam đã được phát triển. Trong đó việc sáng lập Tạng Hà Động và Cẩm Hà

Động là hết sức quan trọng, ‘bắc Tạng nam Côn, tính mệnh song tu’, là gốc rễ của Tiên Thiên đạo Hồng Kông⁶². Dòng Tạng Hà sau đó được truyền vào Việt Nam, Tạng Hà được coi là “Tổng đường”, bên dưới đặt các phân đường, như: Vĩnh An Đường, Vĩnh Lạc Đường, Kính Thánh Đường, do đó, Đạo giáo Việt Nam và Đạo giáo Trung Quốc hình thành một dạng quan hệ ngọn nguồn.

Trong quá trình truyền bá, vượt qua văn hóa, dân tộc, tôn giáo, Đạo giáo được người Việt Nam nhìn nhận và giải thích như thế nào? Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo cùng tồn tại, giữa các tôn giáo không có sự bài xích lẫn nhau, trong đó có ảnh hưởng mạnh mẽ, lâu bền nhất đối với Việt Nam là ba tôn giáo Nho, Phật, Đạo. Thần linh Đạo giáo làm phong phú thêm thế giới niềm tin của người Việt Nam, giáo lý của Đạo giáo cũng trong một mức độ nhất định đáp ứng được các nhu cầu về mặt tình cảm và tinh thần của người Việt Nam vốn gắn bó lâu dài với xã hội nông nghiệp, nhưng so với Nho giáo và Phật giáo, Đạo giáo trong quá trình phát triển dài lâu của Việt Nam, có thể nói là có nhiều thăng trầm, lúc thịnh lúc suy. Sự thịnh suy này một mặt có liên quan với thái độ của tầng lớp thống trị đối với Đạo giáo, mặt khác, cũng có mối tương quan mật thiết với việc tín ngưỡng thần linh Đạo giáo mang những đặc điểm sâu đậm của văn hóa dân tộc Trung Hoa không ngừng bị Việt Nam hóa trong quá trình truyền bá vào xã hội dân gian Việt Nam. “Đặc điểm tiếp nhận văn hóa Trung Quốc của Việt Nam chủ yếu là không ngừng đơn giản hóa và thực dụng hóa văn hóa Trung Quốc để thích ứng với môi trường Việt Nam. Việt Nam về mặt học thuật đã hình thành một loại phong cách đơn giản hóa, dễ hiểu”⁶³. Điều này đã khiến cho Đạo giáo trong quá trình truyền bá, vượt qua văn hóa, hình thành các đặc điểm dưới đây:

Thứ nhất, tín ngưỡng thờ thần linh là biểu tượng trung tâm chủ yếu của sự truyền bá Đạo giáo ở Việt Nam. Đạo giáo Việt Nam tiếp tục truyền thống thờ đa thần của Đạo giáo Trung Quốc, nội dung của tín ngưỡng này vô cùng phong phú, chủng loại đa dạng, không gì là không có, tới nay ở các thôn xã quận, huyện ở Việt Nam vẫn còn tồn tại các đạo quán, thần từ, để miếu thờ các thần linh Đạo giáo, như: Tam Thanh, Chân Vũ, Quan Đế, Long Vương, Thành hoàng, Văn

Xương, Lã Tổ, v.v... nội hàm của thần linh Đạo giáo cũng không ngừng được Việt Nam hóa. Tương truyền, một trong những mục đích của triều Lý cho xây dựng quán Chân Vũ⁶⁴ ở bờ Đông Nam Hồ Tây, Hà Nội được cho là do hồ tinh và các loại quái tinh rùa, rắn thường phá hoại đê sông Hồng, cho nên hoàng đế cầu xin một trong bốn thần đại hộ pháp của Đạo giáo là Chân Vũ Đại Đế giáng linh, tiêu diệt tinh quái làm loạn, cho nên còn được gọi là quán Trấn Vũ hoặc đền Quy Thánh. Đến nửa sau thế kỷ XV, có thể là các yếu tố thảm họa tự nhiên đã dần giảm bớt nên trong quán Trấn Vũ lại phối thờ thần bảo trợ văn chương học vấn, khoa cử sĩ tử là Văn Xương Đế Quân cùng với Trấn Vũ Đại Đế, đón bắt một dạng văn hóa xin cầu công danh của kẻ sĩ. Sự truyền bá thần linh Đạo giáo ở Việt nam thể hiện hai đặc điểm: *Một là*, tính thực dụng rất cao, đáp ứng được nhu cầu tinh thần cầu phúc trừ tai của mọi người, như sử ghi: “Mồng chín là sinh nhật của Ngọc Hoàng, mọi người đều đến đạo quán chiêm bái cúng lễ”⁶⁵, để cầu phúc tiêu tai. *Hai là*, tính hỗn tạp về mặt tín ngưỡng, để đáp ứng một cách đầy đủ các loại nhu cầu tinh thần trong cuộc sống trước mắt của người Việt Nam. Đạo quán vừa là nơi mọi người thực hiện các hoạt động cúng tế thần linh, vừa là nơi thực hiện các hoạt động từ thiện, do đó có một số đạo quán còn được gọi là hướng thiện hội, khuyến thiện đàn, v.v... thể hiện các đặc điểm luân lý hóa, dân gian hóa, thế tục hóa.

Thứ hai, tuy rằng ở Việt Nam, Đạo giáo thường cùng đồng hành với Phật giáo, nhưng vẫn dùng phương thuật thần tiên và nghi thức trai tiêu để nhấn mạnh đặc trưng riêng của mình. Nhìn từ chiều kích lịch sử, “ở Việt Nam chủ yếu có ba tôn giáo lớn: Đạo giáo, Nho giáo và Phật giáo, ba tôn giáo lớn này dường như chỉ là ba phương diện của một chỉnh thể, rất khó phân biệt tính độc lập của ba tôn giáo lớn này trong thói quen sinh hoạt của người Việt Nam. Ví dụ, khi có hòa thượng và đạo sĩ cùng chuyên tâm tin tưởng và thờ phụng Phật giáo và Đạo giáo duy nhất của họ, mọi người đều sẽ cung kính họ ngang nhau, và đều phụng dưỡng, tuyệt nhiên không có sự đối xử thiên lệch đối với họ. Nếu như vào trong miếu quán của Đạo giáo để quan sát một số quy luật và nghi thức của họ, người ta có lẽ còn cho rằng nó cũng là Phật giáo. Không còn nghi ngờ gì nữa, sự pha trộn giữa Phật

giáo và Đạo giáo này thường tạo nên màu sắc mê tín, chỉ khiến người ta thêm mê muội, nhưng cũng có thể khiến con người ta thu được khá nhiều lợi ích và phương pháp tư duy trong cuộc đời tương đối ngắn ngủi”⁶⁶. Phù chú trị bệnh, cầu tự, đầu thai, cầu mưa, giải hạn, phong thủy, chiêm bốc, v.v... của Đạo giáo có đặc điểm là quan tâm đến cuộc sống con người, có ảnh hưởng rất sâu rộng trong cuộc sống của dân chúng tại Việt Nam, dẫn đến việc Phật giáo Việt Nam trong quá trình truyền giáo hoặc ít hoặc nhiều cũng mang những màu sắc Đạo giáo. Thần linh của Đạo giáo thường xuất hiện trên ban thờ trong chùa, nhưng vẫn giữ được đặc tính tôn giáo riêng của mình, lấy Tam Thanh, Ngọc Hoàng, Chân Vũ, Văn Xương, Táo Quân, Thần Tài, Thổ thần, v.v... làm dấu hiệu đặc trưng, dùng nghi thức trai tiếu để thích ứng với nhu cầu tinh thần nhờ cậy thần linh tiêu trừ tai ương của người Việt Nam.

Thứ ba, thần linh Đạo giáo pha trộn với tín ngưỡng dân gian của Việt Nam còn đưa đến một số đặc điểm mang tính Việt Nam hóa. Nhìn từ góc độ tín ngưỡng thần linh, trong Đạo giáo Việt Nam đã xuất hiện các vị thần, như: thần núi Tản Viên, công chúa Liễu Hạnh, Phù Đổng Thiên Vương và Chử Đồng Tử được thần hóa thành tín ngưỡng “Tứ Bất Tử”, sùng bái thánh nhân, sùng bái thánh mẫu, sùng bái sinh thực khí, v.v... mang đậm đặc sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam. Ví dụ, trong đền Ngọc Sơn thờ tượng Hưng Đạo Vương, nguyên mẫu vốn được xem là tướng lĩnh triều Trần là Trần Quốc Tuấn, vì lãnh đạo quân dân triều Trần dũng cảm chống lại sự xâm lược của quân Mông Nguyên, cuối cùng giành được thắng lợi, được coi là anh hùng dân tộc, được phong là “Hưng Đạo Vương”, người đời gọi là Trần Hưng Đạo, sau trở thành thần linh được thờ cúng trong đạo quán ở Việt Nam....

Thứ tư, Đạo giáo Việt Nam hòa trộn với Phật giáo và tín ngưỡng dân gian, dần dần đưa đến sự hình thành một số đạo phái mới mang màu sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam, trong đó ảnh hưởng lớn nhất là đạo Mẫu và đạo Cao Đài. Tại Việt Nam ngày nay, những người sùng bái thần linh Đạo giáo chủ yếu gồm hai loại: một là Hoa kiều, như tín đồ Tiên Thiên đạo; hai là tín đồ của các đạo phái mới, như tín

đạo Cao Đài. Đầu thế kỷ XX, người Việt Nam là Ngô Văn Chiêu (1878~?), Lê Văn Trung (1876~1934) kết hợp nhiều yếu tố tôn giáo, sáng lập đạo Cao Đài. Đạo Cao Đài xuất phát từ một số giáo lý của Đạo giáo như “tri túc thường lạc”, “thanh tĩnh tu hành”... khuyên con người từ bỏ danh lợi, tiền tài, xa hoa, từ bỏ ham muốn vật chất, để cầu lấy tự tại an nhiên trong tâm hồn. Tuy đạo Cao Đài đã trộn lẫn các thành phần tín ngưỡng của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Kitô giáo và Islam giáo, nhưng sùng bái Đạo giáo thần tiên, cầu cơ giáng bút, yêu cầu tín đồ coi trọng thờ cúng tổ tiên, trong cuộc sống thường ngày phải nhất nhất tuân thủ các cấm kỵ: kiêng sát sinh, kiêng tham lam, kiêng món ăn mặn, kiêng sắc, kiêng nói lời thô tục, do đó, vào 6 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ mỗi ngày đều cần phải thắp hương thực hiện các hoạt động cầu nguyện tôn giáo. Con mắt của vị thần đứng đầu trong đạo Cao Đài là Ngọc Hoàng Đại Đế được treo ở nơi cao nhất, được gọi là “thiên nhãn”, trở thành biểu tượng tôn giáo đặc sắc của tôn giáo này. Đạo Cao Đài lưu giữ được một số yếu tố trong Đạo giáo đã thích ứng được với nhu cầu tinh thần của người Việt Nam hiện đại, khá phổ biến ở người Việt khu vực châu thổ ngã ba sông Mekong ở Nam Bộ Việt Nam, trở thành một trong ba tôn giáo lớn nhất Việt Nam chỉ xếp sau Phật giáo và Công giáo.

Thứ năm, sách khuyến thiện là một phương thức truyền dạy giáo lý, giáo nghĩa cho đệ tử và tiến hành giáo hóa đạo đức cho dân chúng của Đạo giáo ở Việt Nam. Người Việt Nam coi trọng đạo hiếu, khuyên dạy con cái phải hiếu kính ông bà cha mẹ, do đó, trong mỗi hộ gia đình người Việt Nam đều lập khám thờ, bàn thờ và bài vị, làm thành bàn thờ để thờ kính tổ tiên, và cảm tạ công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ. Tư liệu văn hiến Đạo giáo được truyền bá ở Việt Nam chủ yếu là đạo kinh và sách khuyến thiện được phái Tân Phù Lục sử dụng, trong đó *Văn Xương đế quân âm chất văn*, *Thái thượng cảm ứng thiên*, *Thái thượng thanh tĩnh kinh*, *Chân Vũ diệu kinh phu cứu kiếp bảo chương*, v.v... là phổ biến hơn cả. Trong vô số những đền, quán tại Việt Nam, các loại sách khuyến thiện về sự tích thần linh được đền Ngọc Sơn khắc in là có ảnh hưởng lớn nhất⁶⁷. Loại sách khuyến thiện này được truyền bá trong dân gian bằng cách in ấn

trong đạo quán, dùng màu sắc luân lý sâu đậm để khuyên nhủ trăm họ tích đức hành thiện, trung thành với người đứng đầu nhà nước, hiếu kính với cha mẹ, để có được sự an nhiên và yên ổn trong tâm hồn, giữ một vai trò nhất định trong việc duy trì sự cân bằng giữa cấu trúc xã hội và hệ thống văn hóa Việt Nam. /.

Nguyễn Thế Nam lược dịch và chú thích bổ sung.
Vũ Thị Thu Hà hiệu đính.
Viện Nghiên cứu Tôn giáo

CHÚ THÍCH:

- 1 Dâm từ 淫祠: đền thờ dâm thần (nhìn theo quan điểm Nho giáo-ND).
- 2 《后汉书》卷八十六《南蛮西南夷列传》，中华书局 1965 年版，第 2836 页.
- 3 Về tác giả *Lý hoặc luận*, Lương Khải Siêu trong tiểu phẩm *Mâu Tử Lý hoặc luận biện nguy*, đăng trong phụ lục 3 của phần *Phật giáo chi sơ thân nhập* trong cuốn *Lương Nhâm Công cận trú đệ nhất tập*, còn đăng trong *Phật giáo nghiên cứu thập bát thiên* của Lương Khải Siêu, cho rằng, tác giả không phải là Mâu Bác thời Đông Hán (thế kỷ III), mà là người giữa thời Đông Tấn và Lưu Tống (thế kỷ V). Nhà nghiên cứu người Nhật Bản là Thường Bản Đại Định, trong tác phẩm *Hán Minh cầu pháp thuyết nghiên cứu* đăng trong *Trung Quốc Phật giáo đích nghiên cứu* (xuất bản năm 1938), cho tác giả *Lý hoặc luận* là nhà sư Tuệ Thông (Thời Lưu Tống, thế kỷ V). Lại có người cho rằng, tác giả *Lý hoặc luận* là Mâu Dung, Thái thú thời Hán (thế kỷ I). Nhưng nhiều nhà nghiên cứu Trung Quốc hiện nay cho những nghiên cứu trên là không có cơ sở. Họ vẫn cho tác giả *Lý hoặc luận* là Mâu Bác, người Đông Hán. Theo: Nguyễn Trọng Chuẩn (2006), *Lịch sử tư tưởng Triết học Việt Nam*, Tập 1 (Từ đầu Công nguyên đến thời Trần và thời Hồ), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 104.
- 4 Bách Gia Chư Tử (諸子百家): là thời kỳ chứng kiến sự mở rộng mạnh mẽ về văn hóa và trí thức ở Trung Quốc kéo dài từ năm 770 đến năm 222 TCN. Trùng khớp với giai đoạn Xuân Thu và Chiến Quốc, nó cũng được gọi là giai đoạn hoàng kim của tư tưởng Trung Quốc và thời kỳ trăm nhà tranh tiếng (百家爭鳴 “bách gia tranh minh”) này chứng kiến sự nảy nở của nhiều trường phái tư tưởng khác nhau. Nhiều đề tài cổ điển Trung Quốc có nguồn gốc từ thời kỳ này đã có ảnh hưởng sâu rộng trong cách sống và ý thức xã hội của người Trung Quốc đến tận ngày nay. Xã hội trí thức thời kỳ này có đặc trưng là sự lưu chuyển của những người trí thức, họ thường được nhiều nhà cai trị ở nhiều tiểu quốc mời làm cố vấn về những cách thức điều hành chính phủ, chiến tranh, và ngoại giao (ND).
- 5 Nguyên bản là 绝圣弃智，修身保真， thường được hiểu là: từ bỏ những giá trị xã hội như thánh và trí, tu sửa thân mình để giữ lấy chân tính (ND).
- 6 Có người cho rằng đây là ghi chép sớm nhất về việc Đạo giáo lần đầu truyền vào Việt Nam, xem: Hứa Vĩnh Huy (2002), *Bản về sự truyền bá và ảnh hưởng của*

- Đạo giáo tại Việt Nam*, đăng trên *Hán học Nguyệt san*. (许永璋著《论道教在越南的传播和影响》,《史学月刊》2002年第7期).
- 7 南朝梁.僧祐撰《弘明集》卷一,《大正藏》第52册,台湾新文丰出版社1994年版,第1页.
 - 8 南朝梁.僧祐撰《弘明集》卷一,《大正藏》第52册,台湾新文丰出版社1994年版,第6页.
 - 9 南朝梁.僧祐撰《弘明集》卷一,《大正藏》第52册,台湾新文丰出版社1994年版,第6页.
 - 10 南朝梁·僧佑撰《弘明集》卷一,《大正藏》第52册,新文丰出版社1994年版,第3页.
 - 11 Đạo sĩ Cát Hồng (284~363) thời Đông Tấn nghe nói ở Phù Nam sản xuất nguyên liệu luyện đan là đan sa, nên khi hoàng đế phong ông làm “Tư nghị tham quân”, “Cát Hồng cố từ chối không nhận, lấy có tuổi cao muốn luyện đan để cầu sống lâu, nghe nói Giao Chi có đan sa, bèn xin làm huyện lệnh Câu Lậu, vua cho rằng Cát Hồng có địa vị cao nên không cho, Hồng tâu rằng: ‘Chẳng mong cầu vinh hoa, chỉ một lòng cầu đan sa mà thôi’. Vua bèn chuẩn cho”. (*Tán Thư*, quyển 72 “Cát Hồng truyện”), lý do Cát Hồng từ quan rất đặc biệt, không coi chuyện được làm quan ở kinh thành là vinh dự, mà coi việc luyện đan thành tiên làm lẽ sống, xin vua phái ông đến nơi gần Giao Chi là Câu Lậu (nay là thành phố Bắc Lưu tỉnh Quảng Tây) làm huyện lệnh Câu Lậu để thuận tiện cho việc luyện đan. Có thể thấy tin tức Giao Chi có nhiều đan sa đã lan đến vùng đất Giang Nam.
 - 12 晋·陈寿编《三国志》卷四十九《士燮传》,中华书局1982年版,第1191页.
 - 13 *Đại Việt sử ký toàn thư*, ngoại kỷ quyển 3 *Sĩ vương kỷ*.《大越史记全书》外纪卷三《土王纪》.
 - 14 *Đại Việt sử ký toàn thư*, ngoại kỷ quyển 3 *Sĩ vương kỷ*.《大越史记全书》外纪卷三《土王纪》.
 - 15 王卡著《越南访道研究报告》,《中国道教》1998年第2期.
 - 16 Lê Tắc (Việt Nam) biên soạn, *An Nam chí lược*, quyển 3, Trung Hoa thư cục xuất bản năm 1995, tr 346. [越]黎崱著《安南志略》卷十三,中华书局1995年版,第346页.
 - 17 《新唐书》卷一百五十二卷《姜公辅传》,《安南志略》卷十五中也有相类似的记载(中华书局1995年版,第348页).
 - 18 郑金顺著《姜公辅其人》,《泉州师范学院学报》1999年第1期.
 - 19 陈耀庭著《道教在海外》,福建人民出版社2000年版,第83页.
 - 20 高熊征撰《安南志原》卷三引《交州八县记》,河内远东博古学院1932年版,第132页.
 - 21 明崢著《越南史略》,范宏科、吕谷译,三联书店1958年版,第44页.

- 22 Các bộ sử lớn của Việt Nam như *Đại Việt sử ký toàn thư* hay *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục* đều ghi là năm 973 (ND).
- 23 Nguyên văn: “宣华山道士陈先生诣阙”. Ngay trong sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng không thống nhất được địa danh được nhắc tới là núi Tuyên Hoa 宣华, hay Hoa Sơn 华山, người dịch thiên về giả thuyết đây là địa danh Hoa Sơn, và sau chữ “tuyên” ngờ có sót chữ “triệu”, ý đây đủ của cả câu sẽ như phân dịch bên trên.
- 24 *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 10 *Lê ký*. 《大越史记全书》卷十《黎纪》.
- 25 Ký lục 记箒: Một bức viết và vẽ bằng nét trắng, có phù chú, chứng nhận một đạo sĩ đã được vào giới tu đạo.
- 26 Nguyên văn là: 斋醮科仪 (trai tiếu khoa nghi).
- 27 *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 4 *Lý ký*. 《大越史记全书》卷四《李纪》.
- 28 Nguyên văn là: 符水斋醮科仪 (phù thủy trai tiếu khoa nghi).
- 29 李养正主编《当代道教》，东方出版社 2000 年版，第 348 页.
- 30 Trai: Chai khiết. Tiếu: Cúng bái. Trước khi cúng bái để cầu đảo việc gì, người chủ sự phải ăn chay, ở riêng một nhà tĩnh mịch, răn chữa những việc dâm tà,... đến ngày cúng, người đạo sĩ đặt đàn tràng cúng bái cầu đảo, gọi là trai tiếu (dẫn lại chú thích từ bản dịch sang tiếng Việt sách *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục*, bản dịch của Viện Sử học-ND).
- 31 Phù thủy 符水: Những đạo sĩ tự xưng là có pháp thuật sai sử được quỷ thần, họ dùng mực và son viết thứ chữ riêng của đạo Lão như chữ triện, chữ trụ, tục gọi là phù. Khi chữa bệnh thì họ cầm nén hương đã châm lửa viết thứ chữ ấy lên trên miệng cái bát có đựng nước, gọi là thư phù, rồi cho bệnh nhân uống nước ấy, gọi là phù thủy (dẫn lại chú thích từ bản dịch sang tiếng Việt sách *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục*, bản dịch của Viện Sử học-ND).
- 32 *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 2 *Trần ký*. 《大越史记本纪》卷二《陈纪》二中也有类似的记载.
- 33 Nguyên văn là: 黄箒大斋 (Hoàng lục đại trai).
- 34 Huyền giáo 玄教: Một chi phái của Đạo giáo, được Trương Lưu Tôn sáng lập vào đầu thời Nguyên.
- 35 Xung điển 冲典: “Xung” nghĩa là sâu, là hư không; “xung điển” là chỉ chung các kinh điển của Đạo giáo. Nguyễn Duy Hình cho rằng, “Thông thường thì xung điển chỉ *Liệt Tử*. *Liệt Tử* là một tác phẩm thời Xuân Thu thuộc dòng Đạo gia như *Trang Tử*. Nhưng Đường Huyền Tông đã phong cho Liệt Tử làm Xung Hư chân nhân cũng như phong cho Trang Tử làm Nam Hoa chân nhân. Do đó, *Liệt Tử* biến thành đạo kinh như *Nam Hoa kinh*. Đó cũng là dấu hiệu Đạo Tạng được nhập vào nước ta”, Theo: Nguyễn Duy Hình (2003), *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 542 (ND).
- 36 *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 7 *Trần ký*. 《大越史记本纪》卷七《陈纪》.

- 37 朱云影著《中国文化对日韩越的影响》，广西师范大学出版社 2007 年版，第 472 页。
- 38 Nguyên văn là: 符箓道教斋醮科仪 (Phù lục Đạo giáo trai tiếu khoa nghi).
- 39 *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 8 *Trần kỷ*. 《大越史记本纪》卷八《陈纪》.
- 40 *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 10 *Lê kỷ*. 《大越史记实录》卷十《黎纪》.
- 41 *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 10 *Lê kỷ*. 《大越史记实录》卷十《黎纪》.
- 42 Nguyên bản trong bài viết là: 堂道 (Đạo đường-ND).
- 43 [越南]许氏明芳著《老子思想及道教在越南的影响和发展》，参见洛阳老子学会网站 2012 年 10 月 21 日.
- 44 严从简著、余思黎点校《殊域周咨录》，中华书局 1993 年版，第 238~239 页.
- 45 《道藏》第 1 册，文物出版社、上海书店、天津古籍出版社 1988 年版，第 759 页.
- 46 Bản diễn giảng *Ngọc Khu kinh* của Hội Động Kinh Vân Nam hiện vẫn còn lưu tại Hội Động Kinh thị trấn Hắc Tinh, huyện Lộc Phong và thư viện tỉnh Vân Nam (theo: 张兴荣著《云南洞经文化——儒释道三教的复合性文化》，云南教育出版社 1998 年版，第 184 页).
- 47 云南省少数民族古籍整理出版规划办公室编《云南民族口传非物质文化遗产总目提要·史诗歌谣卷》下卷，云南教育出版社 2008 年版，第 89 页.
- 48 张伟权著《浪漫与现实的纠结——越南现代文学两大思潮概述》，载《中国社会科学报》2011 年 5 月 31 日，第 13 版.
- 49 Liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã tấn công cảng Đà Nẵng, chính thức xâm lược Việt Nam vào năm 1858. Tuy nhiên, phải đến, sau khi quân đội Pháp đánh bại được quân đội nhà Nguyễn đồn trú ở Nam Bộ, triều đình nhà Nguyễn mới nhượng bộ từng bước, với việc ký Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862), một phần lãnh thổ Việt Nam bị Pháp chiếm đóng (ND).
- 50 石泰安著《微型世界——远东宗教思想中的袖珍花园》，参见安娜·塞德尔著《西方道教研究史》，上海古籍出版社 2000 年版，第 115 页.
- 51 许永璋著《论道教在越南的传播和影响》，《史学月刊》2002 年第 7 期.
- 52 《先天道近况及其分布》，《大道》创刊号，香港先天道会 1956 年版，第 11 页.
- 53 Nội dung liên quan đến Thanh Liên giáo, xin tham khảo: 马西沙、韩秉芳著《中国民间宗教史》，上海人民出版社 1992 年版，第 1141 页；[日]武内房司著《清末宗教結社と民衆運動——青蓮教劉儀順派を中心に》，神奈川大学中国语学科编《中國民衆史への講座》，东京东方书店 1998 年版，第 111~133 页.

- 54 游子安著《道脉南传：20 世纪从岭南到越南先天道的传承与变迁》，载金泽、陈进国主编《宗教人类学》第 2 辑，社会科学文献出版社 2010 年版，第 232 页。
- 55 [日]武内房司著《中国民众宗教の传播とツェトム化——汉喃研究院所藏诸经卷简介》，[日]板垣明美编《ツェトム化—变化する医疗と仪礼》，横滨春风社 2008 年版，第 183~197 页。
- 56 Tên thường gọi là núi Sái, còn được gọi là núi Vũ Dương, nay thuộc Thụy Lôi, Đông Anh, Hà Nội.
- 57 陈耀庭著《道教在海外》，福建人民出版社 2000 年版，第 84 页。
- 58 《道脉源流记》，星洲大光佛堂、飞霞精舍 1949 年版，第 33 页。
- 59 Tam hoa truyền ngũ khí 三花传五气: liên quan đến phép tu hành của Đạo giáo, thông qua tu hành đã thông hai mạch nhâm và đốc, ngũ khí của thân thể tập trung về não, khiến cho con người rũ bỏ được mọi phiền não, đạt đến cảnh giới vô lo vô nghĩ. Đạo giáo coi tam hoa tụ đỉnh, ngũ khí triều nguyên là cảnh giới tối cao của việc tu tập (ND)
- 60 Nguyên văn là 五老 (Ngũ lão) (ND).
- 61 Nguyên bản là: 承办 (Thừa biện) (ND).
- 62 游子安著《道脉南传：20 世纪从岭南到越南先天道的传承与变迁》，载金泽、陈进国主编《宗教人类学》第 2 辑，社会科学文献出版社 2010 年版，第 239 页。
- 63 戴可来著《对越南古代历史和文化的若干新认识》，《北大亚太研究》第 2 集，北京大学出版社 1993 年版，第 106 页。
- 64 Có ba giả thuyết về thời điểm xây dựng quán Chân Vũ: Một là vào năm Thuận Thiên nguyên niên triều Lý (1010), tương đương năm Đại Trung Tường Phù thứ 3 triều Tống Chân Tông ở Trung Quốc; Một là vào thời Long Thụy Thái Bình (1054-1058) triều Lý, tương đương trong thời gian các năm Chí Hòa, Gia Hựu triều Tống Nhân Tông; Một là vào năm Long Phù thứ hai (1102) triều Lý, tương đương năm Sùng Ninh nguyên niên triều Tống Huy Tông. Nhưng cho dù thế nào, thì thời gian nó và tín ngưỡng Chân Vũ Đại Đế thịnh hành ở Trung Quốc cùng ở bối cảnh thời Tống, hoàn toàn thống nhất với: 卿希泰著《简明中国道教通史》，四川人民出版社 2001 年版，第 229 页; sau triều Lý, quán Chân Vũ luôn nhận được sự trọng thị và sùng kính của các vua chúa. Vua Thánh Tông vào năm Hồng Đức nguyên niên triều Hậu Lê (1470) cũng vì cầu mưa mà đã đến quán Chân Vũ tôn kính Chân Vũ Huyền Thiên Thượng Đế.
- 65 *An Nam chí nguyên*, quyển 3, Viện Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội xuất bản năm 1932. 《安南志原》卷三, 河内远东博古学院 1932 年版。
- 66 慧海著《越南之佛教》，张曼涛主编《东南亚佛教研究》，台湾大乘文化出版社 1978 年版，第 308 页。
- 67 刘玉珺著《越南汉喃古籍的文献学研究》，中华书局 2007 年版，第 39 页。

Abstract**DISCUSSION ON PROPAGATION AND INTERFERENCE OF
TAOISM IN SOUTHEAST ASIA
(SOUTHERN INTRODUCTION OF TAOISM INTO VIETNAM)****Ton Diec Binh (孙亦平)***Faculty of Religious Studies**Faculty of Philosophy**Nanjing University, China*

Taoism, a traditional religion of China taken “the reached the fullness of enlightenment to become an immortal” as the basic faith, the supreme principle”, was early introduced into Southeast Asia through the Yunnan or Guangxi. Taoism has become one of the most symbolic and influential symbols in Vietnamese culture. In terms of time, Taoism has been introduced into Vietnam since its founding, starting from commoners to aristocrats. Over 19 centuries, it came back to commoners, formed a long history of propagation. Taoism firstly introduced into Vietnam by road (Yunnan or Guangxi). Then, until the revolt of Ton An and Lu Tuan in the Eastern Jin (dynasty), Taoism was transmitted into Vietnam by sea. During the missionary journey to the South, at the end of the Ming dynasty, at the beginning of the Qing Dynasty, Taoism also entered Vietnam through many paths. Vietnamese Taoism and Chinese Taoism formed the original relationship. In the process of propagation in Vietnam, Taoism has overcome culture, ethnicity, religion to form the following characteristics such as Belief of worshiping Deities is a main symbolic symbol of Taoism when introducing into Vietnam; Taoism often accompanies Buddhism; Gods of Taoism and Vietnamese folk-belief blend together, established a number of new denominations with Vietnamese features, including Caodaism and the worship of mother goddesses; The book of good deeds encouragement is a method that Taoism taught people and transmitted the teachings. This method has a certain effect in creating equilibrium in terms of sticking social structure to cultural traditions.

Keywords: Taoism; Southeast Asia; Vietnam; intercultural perspective; introduction; exchange.